TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST Ngày: 27/01/2026 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Kim Hồng

Ông Phan Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1986; Số CCCD: 042186003889; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Như L, sinh năm 1981; Số CCCD: 042081006984; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Như L kết hôn vào ngày 08/12/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (nay là xã C), tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận. Từ năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chồng thường xuyên đánh đập, ngược đãi và quản lý kinh tế. Từ tháng 12/2019 bà bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Trần Như B, sinh ngày 16/09/2017 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/4/2019. Hiện nay cháu Nguyễn Trần Như B đang sống với ông L và ông bà nội, cháu Nguyễn Mai P đang sống với bà.

Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mai P, đồng ý giao con Nguyễn Trần Như B cho ông Nguyễn Như L nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay bà là lao động tự do thu nhập mỗi tháng giao động từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Về nhà ở hiện nay bà và con đang ở nhà mẹ đẻ, nhà cấp 4 đảm bảo cho mẹ con ăn ở và sinh hoạt.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

- Tại kết quả xác minh theo Công văn số 528/2025/CV-TA tại UBND xã C thể hiện:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Như L đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh số 42 ngày 08/12/2016, quá trình chung sống đã có với nhau hai con chung là Nguyễn Trần Như B, sinh ngày 16/09/2017 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/4/2019. Hiện tại bà T và ông L đang sinh sống và làm việc tại địa phương, tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

- Tại biên bản sự việc lập ngày 27/11/2025 tại nhà bà Biện Thị T1 là mẹ đẻ của ông Nguyễn Như L thể hiện:

Ông Nguyễn Như L đăng ký thường trú tại thôn N, xã C. Quá trình chung sông bà T và ông L có phát sinh mâu thuẫn và bà T đã bỏ về nhà mẹ đẻ khoảng sáu năm nay, bà T và ông L có hai con chung là Nguyễn Trần Như B và Nguyễn Mai P, hiện cháu B ở với ông L còn cháu P ở với bà T. Ông L làm đá mỹ nghệ thu nhập từ 7 đến 9 triệu đồng và đang ở với mẹ đẻ có nhà ở kiên cố đảm bảo để bố con bà cháu sinh sống ổn định. Đối với việc bà T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn gia đình và địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công bố chứng cứ và hòa giải, xác minh và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Như L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Như L.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/4/2019 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Trần Như B, sinh ngày 16/09/2017 cho ông Nguyễn Như L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con đối với ông Nguyễn Như L, nên xác định là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Hà Tĩnh, căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ hai lần, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Như L đều vắng mặt không có lý do, Toà án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn. Bà T đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải, theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại phiên tòa ngày 06/01/2026 ông Nguyễn Như L vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 27/01/2026 nhưng ông Nguyễn Như L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Như L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Như L là hợp pháp. Theo lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh tại địa phương xét thấy bà T và ông L thường xảy ra mâu thuẫn, từ cuối năm 2019 bà T bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại, hai bên không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân gia đình được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Như L có 02 con chung là Nguyễn Trần Như B, sinh ngày 16/09/2017 và Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/4/2019. Hiện nay cháu Nguyễn Trần Như B đang sống với ông L và bà nội, cháu Nguyễn Mai P đang sống với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Mai P, đồng ý giao con Nguyễn Trần Như B cho ông Nguyễn Như L nuôi

dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét điều kiện việc làm, thu nhập, nhà ở thấy rằng cả bà T và ông L đều có việc làm và thu nhập, đều đảm bảo điều kiện để nuôi con. Do đó giao con chung Nguyễn Mai P cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao Nguyễn Trần Như B cho ông Nguyễn Như L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với nguyện vọng của con Nguyễn Trần Như B đã từ 7 tuổi trở lên, phù hợp với thực tế hiện tại và phù hợp với Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Như L không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Như L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Như L.

3. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai P, sinh ngày 22/4/2019 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Trần Như B, sinh ngày 16/09/2017 cho ông Nguyễn Như L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Như L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000137 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- T.H.A.D.S tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã C, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn